TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Võ Ngọc Ba**

2/ Ông **Nguyễn Văn Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 465/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Nh**, sinh năm 1987. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị **Đinh Thị Kim Ch**, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp C, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Nh trình bày: Anh và chị Đinh Thị Kim Ch xây dựng hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 09/11/2012. Thời gian chung sống được 01 năm thi phát sinh mâu thuẫn do vợ anh bỏ nhà đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không cho anh biết đi làm nghề gì và địa chỉ ở đâu nên anh không đồng tình và vì nhà nghèo nên anh phải sống bên vợ, hay bị mẹ vợ chửi mắng nên anh rất buồn và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh yêu cầu xin ly hôn với chị Ch. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Kèm theo đơn khởi kiện anh Nh có nộp các tài liệu, chứng cứ:

Bản tự khai, đơn yêu cầu về việc xác nhận nơi cư trú, giấy chứng nhận kết hôn, giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Ch. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Ch vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị đồng ý ly hôn với anh Nh. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn chị Đinh Thị Kim Ch có đơn xin vắng mặt ngày 01/01/2018. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn Nh và chị Đinh Thị Kim Ch thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86/2012 vào ngày 09/11/2012 nên xem quan hệ hôn nhân giữa anh Nh và chị Ch là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu vợ chồng sống có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do, bất đồng quan điểm, chị Ch bỏ nhà đi làm ăn ở Thành phố Hồ Chí Minh, anh Nh thì sống chung với gia đình bên vợ nên cuộc sống không còn hạnh phúc và nội dung sự việc được Toà án thụ lý và ra giấy triệu tập hợp lệ mời các đương sự đến để Toà án hoà giải giúp đở đoàn tụ nhưng chị Ch không đến tham gia phiên hòa giải, có đơn xin vắng mặt và đồng ý ly hôn với anh anh Nh do vợ chồng chung sống không hợp nhau. Như vậy cho thấy tình cảm giữa anh Nh và chị Ch không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của anh Nh là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Nh và chị Ch xác định không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Anh Nh và chị Ch xác định không có và không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Nh phải nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Nh. Xử cho anh Nh ly hôn với chị Đinh Thị Kim Ch.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn Nh nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* anh Nh đã nộp theo biên lai thu số 0014313 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr, anh Nh không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- UBND xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 09/11/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Văn Năm